PS ACOUSTIC COLLECTION 2026

TẤM TIÊU ÂM POLYESTER PET

BẢN SPEC KỸ THUẬT & BẢNG MÀU VẬT LIỆU



PHONG SINH THỦY KHỞI

TƯ VẤN • THIẾT KẾ • CUNG CẤP • THI CÔNG

01 / PRODUCT OVERVIEW

GIẢI PHÁP TIÊU ÂM TỪ SỢI PET

Tấm nỉ polyester bán cứng cho phép xử lý âm học đồng thời tạo hình bề mặt nội thất.

TỪ VẬT LIỆU ĐẾN KHÔNG GIAN

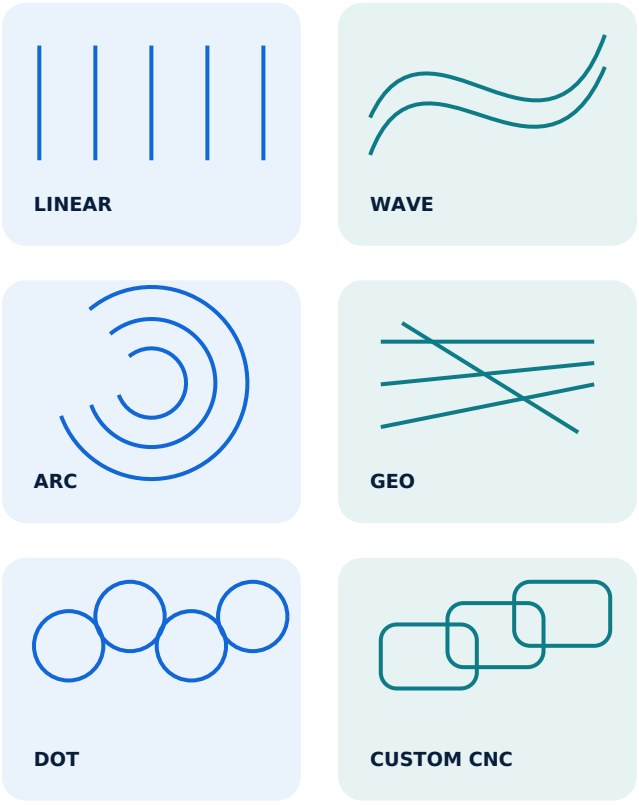
Bề mặt nỉ xuyên màu, kết cấu nhẹ và khả năng gia công CNC giúp tấm PET phù hợp cho vách ốp, trần, baffle, vách ngăn và các mô-đun trang trí 3D.

01 — KIỂM SOÁT ÂM VANG
Hỗ trợ giảm phản xạ và tiếng dội trong không gian.

02 — TẠO HÌNH LINH HOẠT
Cắt, rãnh, ghép lớp, uốn mô-đun theo thiết kế.

03 — THI CÔNG GỌN
Trọng lượng nhẹ, có thể lắp trực tiếp hoặc tạo khoảng rỗng.

HỆ BỀ MẶT ĐỀ XUẤT



ỨNG DỤNG

- Văn phòng & phòng họp
- Nhà hàng & khách sạn
- Trường học & thư viện
- Studio & phòng giải trí
- Sảnh, hành lang, showroom
- Nhà ở cao cấp

02 / TECHNICAL SPECIFICATION

SPEC KỸ THUẬT ĐỀ XUẤT

Tài liệu nền để chốt sản phẩm với nhà cung cấp và triển khai hồ sơ trình duyệt vật liệu.

Tên sản phẩm	PS Acoustic Polyester PET Panel
Vật liệu	Sợi polyester (PET) ép nhiệt, dạng nỉ bán cứng
Bề mặt	Nỉ xuyên màu; phù hợp cắt CNC, soi rãnh và ghép lớp
Kích thước đã có dữ liệu	PSN Class A: 1220 × 2800 × 12 mm
Nhóm màu	PS-BS / PSFI / PSBP / PSN
Lắp đặt	Dán trực tiếp, lắp khung, tạo khoảng rỗng hoặc treo baffle
Hiệu quả âm học	Phụ thuộc độ dày, khoảng rỗng và cấu hình hệ hoàn thiện
Phân nhóm chống cháy	PSN: Class A theo catalogue nguồn; cần đối chiếu test report
Gia công	Tấm phẳng, V-cut, groove, relief 3D, mô-đun theo bản vẽ

CÁCH CHỈ ĐỊNH SẢN PHẨM

01
Chọn series
PS-BS / PSFI / PSBP / PSN

02
Chọn mã màu
Duyệt trên mẫu vật liệu thật

03
Chọn cấu hình
Độ dày, kiểu gia công, khoảng rỗng

04
Chốt hồ sơ
CO/CQ, test âm học và chống cháy

! Lưu ý phát hành: Dải NRC của tấm PET trên thị trường thay đổi theo độ dày và cấu hình lắp. Brochure chính thức chỉ nên ghi trị số NRC, tỷ trọng và tiêu chuẩn chống cháy sau khi PSTK nhận đúng test report của từng series/lô hàng.

03 / COLOR COLLECTION

BẢNG MÀU PS-BS

PS-BS SERIES

29 mã màu • Nhóm PET tiêu chuẩn


PS-BS002


PS-BS003


PS-BS004

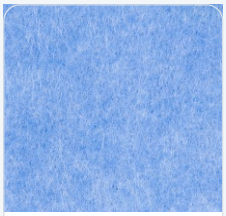

PS-BS021

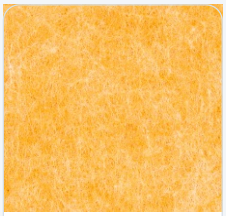

PS-BS023


PS-BS027

PS-BS005

PS-BS007


PS-BS008

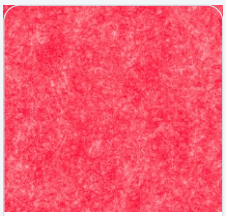

PS-BS028

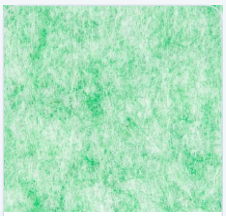

PS-BS030

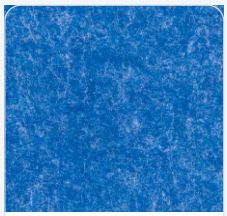

PS-BS031

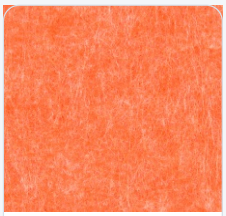

PS-BS011


PS-BS012


PS-BS013

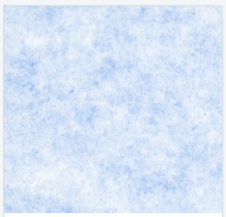

PS-BS032


PS-BS034


PS-BS036


PS-BS014

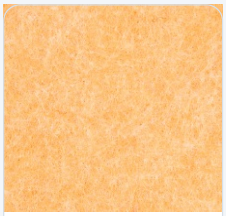

PS-BS015


PS-BS016


PS-BS037


PS-BS041

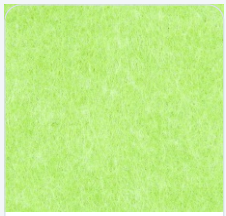

PS-BS042


PS-BS017


PS-BS018


PS-BS020


PS-BS043


PS-BS044

Mã gốc BS được giữ nguyên và bổ sung tiền tố PS để đồng bộ nhận diện PSTK.

04 / COLOR COLLECTION

BẢNG MÀU PSFI

PSFI SERIES

35 mã màu • Series PSFI

PSFI01

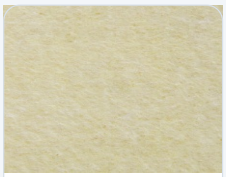

PSFI02


PSFI03


PSFI19

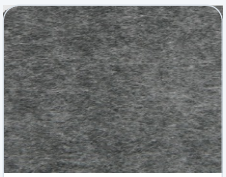

PSFI20

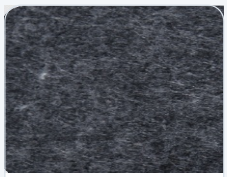

PSFI21

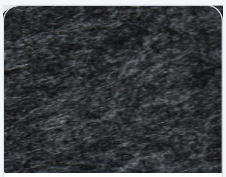

PSFI04


PSFI05


PSFI06


PSFI22

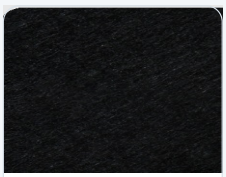

PSFI23


PSFI24

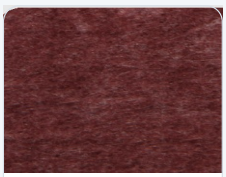

PSFI07


PSFI08


PSFI09


PSFI25


PSFI26


PSFI27


PSFI10


PSFI11


PSFI12


PSFI28


PSFI29

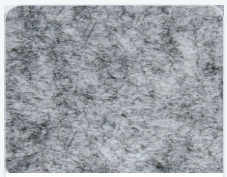

PSFI30


PSFI13


PSFI14


PSFI15


PSFI31


PSFI32


PSFI33


PSFI16


PSFI17


PSFI18


PSFI34


PSFI35

Màu in và màu màn hình có thể khác vật liệu thật. Luôn duyệt trên mẫu trước khi đặt hàng.

05 / COLOR COLLECTION

BẢNG MÀU PSBP

PSBP SERIES

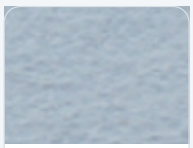
45 mã màu • Series PSBP

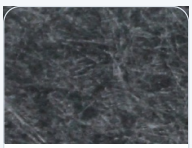

PSBP01

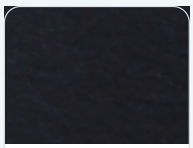

PSBP02

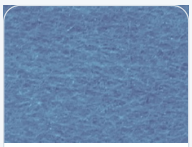

PSBP03

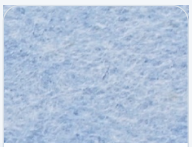

PSBP04


PSBP05

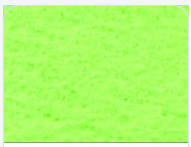

PSBP06


PSBP07

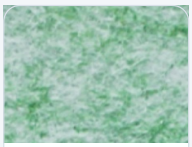

PSBP10

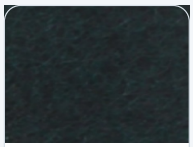

PSBP11


PSBP12


PSBP15

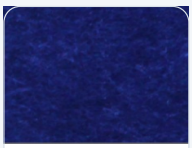

PSBP17


PSBP18


PSBP19


PSBP20


PSBP22


PSBP23


PSBP24

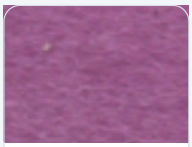

PSBP25


PSBP27

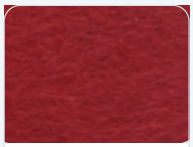

PSBP28

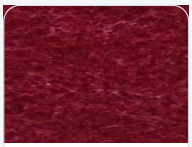

PSBP29

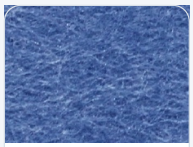

PSBP30


PSBP31

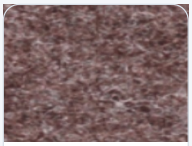

PSBP32


PSBP33


PSBP35


PSBP37


PSBP38


PSBP39


PSBP40


PSBP41


PSBP42


PSBP43

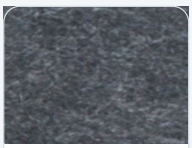

PSBP44


PSBP46


PSBP47


PSBP50


PSBP51


PSBP55

PSBP08

PSBP60

PSBP61

PSBP65

PSBP63

Dòng PSBP có dải màu mở rộng; bố cục giữ đúng vị trí mã theo catalogue nguồn.

06 / COLOR COLLECTION

BẢNG MÀU PSN

PSN CLASS A

23 mã màu • 1220 × 2800 × 12 mm


PSN01


PSN02


PSN03


PSN13


PSN14


PSN15


PSN04


PSN05


PSN06


PSN16


PSN17


PSN20


PSN07


PSN08


PSN09


PSN23


PSN25


PSN26


PSN10


PSN11


PSN12


PSN27

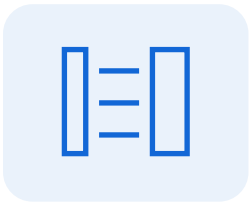

PSN28

Nhóm Class A theo catalogue nguồn. Tiêu chuẩn thử và chứng chỉ phải được xác nhận theo dự án.

07 / INSTALLATION & CARE

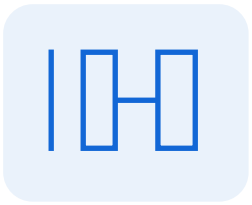
TỪ MẪU VẬT LIỆU ĐẾN HOÀN THIỆN

Chọn đúng hệ lắp đặt giúp tối ưu hiệu quả tiêu âm, độ bền bề mặt và khả năng bảo trì.



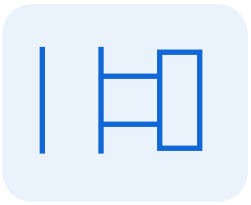
DÁN TRỰC TIẾP

Keo phù hợp nền và vật liệu



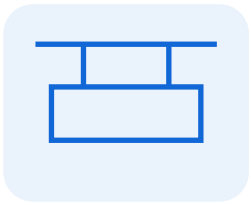
KHUNG XƯƠNG

Cố định cơ khí, dễ căn phẳng



TẠO KHOẢNG RỖNG

Tăng hiệu quả hấp thụ theo cấu hình



TREO BAFFLE

Xử lý trần và không gian mở

BẢO QUẢN & NGHIỆM THU

- **Màu sắc**
  Duyệt mẫu thật; màu hiển thị trên màn hình và bản in chỉ mang tính tham khảo.
- **Sai khác lô**
  Bố trí cùng một lô cho các mảng tường liền kề; kiểm tra trước khi cắt.
- **Vệ sinh**
  Hút bụi nhẹ hoặc chấm bằng khăn ẩm; thử trước tại vùng khuất.
- **Nghiệm thu**
  Kiểm tra hướng sợi, khe ghép, độ phẳng, bề mặt keo và mép cắt.

CÔNG TY TNHH PHONG SINH THỦY KHỞI

Tư vấn giải pháp • Thiết kế chi tiết • Cung cấp vật liệu • Thi công hoàn thiện

MST: 0318898850

Trụ sở: 381/96 Phan Văn Trị, P. Bình Lợi Trung, TP.HCM

HOTLINE • EMAIL • WEBSITE: CẬP NHẬT TRƯỚC KHI PHÁT HÀNH

Mã màu trong brochure đã được chuyển sang hệ PS. Vui lòng đối chiếu mẫu thật và hồ sơ kỹ thuật của nhà cung cấp trước khi phê duyệt vật liệu.